

BẢNG CỘNG

(3 tiết)

A. Mục tiêu

1. Kiến thức, kĩ năng:

- Hệ thống hoá các phép cộng qua 10 trong phạm vi 20.
- Vận dụng bảng cộng:
 - Tính nhẩm.
 - So sánh kết quả của tổng.
 - Tính toán trong trường hợp có hai dấu phép cộng, làm quen với tính chất giao hoán và kết hợp của phép cộng qua các trường hợp cụ thể.
 - Tính độ dài đường gấp khúc.
 - Giải toán.

2. Năng lực chú trọng: tư duy và lập luận toán học, giao tiếp toán học, giải quyết vấn đề toán học.

3. Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội, Tiếng Việt.

B. Thiết bị dạy học

GV chuẩn bị bảng cộng qua 10 chưa hoàn chỉnh.

$9 + 2 =$									
$9 + 3 =$	$8 + 3 =$								
$9 + 4 =$		$7 + 4 =$							
	$8 + 5 =$	$7 + 5 =$							
$9 + 6 =$	$8 + 6 =$		$6 + 6 =$	$5 + 6 =$					
$9 + 7 =$		$7 + 7 =$	$6 + 7 =$						
	$8 + 8 =$	$7 + 8 =$		$5 + 8 =$	$4 + 8 =$	$3 + 8 =$			
$9 + 9 =$	$8 + 9 =$	$7 + 9 =$	$6 + 9 =$	$5 + 9 =$	$4 + 9 =$	$3 + 9 =$	$2 + 9 =$		

C. Các hoạt động dạy học chủ yếu

KHỞ ĐỘNG

Trò chơi GIÓ THỔI

GV: Gió thổi, gió thổi!

HS: Thổi gì, thổi gì?

GV: Thổi cách cộng qua 10 trong phạm vi 20.

HS: **Gộp cho đủ chục rồi cộng với số còn lại.**

GV: 9 cộng với một số?

HS: 9 cộng 1 rồi cộng số còn lại.

...

THỰC HÀNH

1. Thực hành với bảng cộng

a) Khởi phục bảng cộng

– HS quan sát tổng quát bảng cộng (chưa hoàn chỉnh), nhận biết quy luật sắp xếp của bảng (mỗi cột là một bảng cộng, trong mỗi cột: số hạng đầu không đổi, số hạng sau tăng dần).

HS bổ sung các phép cộng còn thiếu ($9 + 5$, $9 + 8$, $8 + 4$, ...).

– HS **đọc** các phép cộng theo cột, theo hàng, theo màu (đọc đầy đủ cả kết quả, ví dụ: $9 + 2 = 11$, ...), GV điền kết quả vào bảng.

Với mỗi cột, GV hỏi cách cộng một vài trường hợp.

Ví dụ: Tại sao $9 + 7 = 16$?

(HS có thể **giải thích** bằng nhiều cách: $9 + 1$ rồi cộng 6, em thuộc bảng, ...).

Với các phép cộng có số hạng thứ hai lớn hơn số hạng thứ nhất,

ví dụ: $8 + 9$, HS có thể **giải thích**: $8 + 9 = 9 + 8 = 17$ hoặc $8 + 2 + 7$, ...

$9 + 2 = 11$								
$9 + 3 = 12$	$8 + 3 = 11$							
$9 + 4 = 13$	$8 + 4 = 12$	$7 + 4 = 11$						
$9 + 5 = 14$	$8 + 5 = 13$	$7 + 5 = 12$	$6 + 5 = 11$					
$9 + 6 = 15$	$8 + 6 = 14$	$7 + 6 = 13$	$6 + 6 = 12$	$5 + 6 = 11$				
$9 + 7 = 16$	$8 + 7 = 15$	$7 + 7 = 14$	$6 + 7 = 13$	$5 + 7 = 12$	$4 + 7 = 11$			
$9 + 8 = 17$	$8 + 8 = 16$	$7 + 8 = 15$	$6 + 8 = 14$	$5 + 8 = 13$	$4 + 8 = 12$	$3 + 8 = 11$		
$9 + 9 = 18$	$8 + 9 = 17$	$7 + 9 = 16$	$6 + 9 = 15$	$5 + 9 = 14$	$4 + 9 = 13$	$3 + 9 = 12$	$2 + 9 = 11$	

- **Nhận xét** sự liên quan giữa số hạng thứ hai trong mỗi cột với chữ số chỉ đơn vị của tổng (khuyến khích HS **giải thích**).

Ví dụ:

$$\begin{array}{ccc} & -1 & \\ & \downarrow & \\ 9 + 5 = 14 & & 8 + 5 = 13 \end{array}$$

– GV giúp HS **giải thích** tại sao các tổng trong các ô cùng màu lại bằng nhau.

Ví dụ: $9 + 2 = 8 + 3$

GV có thể giải thích trên một tình huống cụ thể:

Túi bên trái có 9 viên bi, túi bên phải có 2 viên bi.

Lấy 1 viên bi ở túi bên trái sang túi bên phải, tổng số viên bi không thay đổi.

b) Thực hành với bảng cộng (HS sử dụng SGK)

Bài 1: HS hoạt động nhóm đôi.

a) HS thực hiện như SGK.

b) Lưu ý HS chỉ cần thực hiện các phép cộng có trong bảng.

LUYỆN TẬP

Bài 1:

– HS **thực hiện** cá nhân.

– Khi sửa bài, GV yêu cầu HS **giải thích** (kết quả có thể dựa vào bảng hoặc áp dụng cách cộng qua 10 trong phạm vi 20).

Bài 2:

– HS nhóm đôi **tìm hiểu** mẫu, **nhận biết**: cần phải thực hiện tính toán để tìm số con chim có tất cả: $8 + 4 + 3 = 15$.

– Khi sửa bài, GV lưu ý HS có thể chọn cách tính thuận tiện:

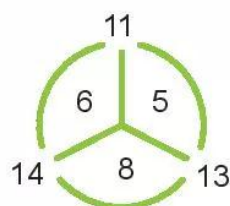
$6 + 5 + 4$, ta có thể tính tổng của 6 và 4 trước, rồi cộng với 5.

Bài 3: HS thực hiện nhóm bốn.

– HS **tìm hiểu** mẫu, **nhận biết**: tổng hai số trong khung hình là số tương ứng ở ngoài.



– Sửa bài: có thể chia đội sửa tiếp sức. GV hỏi cách làm của một vài trường hợp.



Bài 4: HS dựa vào bảng cộng để **thực hiện**.

Lưu ý sự liên quan giữa số hạng thứ hai và chữ số chỉ đơn vị của tổng.

Bài 5: HS dựa vào **tính toán** hoặc **cảm nhận** về số để thực hiện.

Ví dụ: $2 + 8 = 10$ nên $3 + 8 > 10$.

Bài 6:

- HS nhóm đôi **tìm hiểu** bài và thực hiện.
- HS có thể **thực hiện** bằng cách thử chọn lần lượt hoặc suy luận:

$$7 + \text{🐞} < 7 + 2$$

Bọ rùa phải che số bé hơn 2 nên ta chọn số 1.

Bài 7:

- HS nhóm bốn **thảo luận, nhận biết** yêu cầu của bài và tìm cách giải quyết.
- HS có thể **tính** tổng hoặc dựa vào mối quan hệ giữa tổng và số hạng: Mỗi tổng đều có số hạng là 9, kết quả lớn hay bé tùy thuộc vào số hạng còn lại.

Bài 8:

– GV giải thích từ “bến” (gọi tắt của bến tàu, bến thuyền), HS nhóm đôi **tìm hiểu** bài, **nhận biết** số trong hình tròn là số của bến (bến số 13), kết quả mỗi phép tính là số của thuyền. Thuyền mang số nào thì sẽ đậu ở bến đó.

- HS **tính** để thực hiện yêu cầu.

Bài 9: HS hoạt động nhóm bốn.

- a) Để biết quãng đường mỗi bạn sên bò, HS thảo luận tìm cách GQVĐ.

- HS có thể đo nối tiếp:

Sên Hồng:

Lần đầu đo từ vạch 0 tới vạch 2

Lần thứ hai đo từ vạch 2 tới vạch 5

Lần thứ ba đo từ vạch 5 tới vạch 13

Quãng đường Sên Hồng bò dài 13 cm.

Sên Xanh: thực hiện tương tự (10 cm).

- HS có thể đo từng đoạn thẳng và thực hiện tính cộng.

- b) So sánh.

13 cm > 1 dm (do 1 dm = 10 cm).

10 cm = 1 dm.

Bài 10:

- HS **nhận biết** hai nhiệm vụ cần làm: **viết** phép tính, **nói** câu trả lời.
- Khi sửa bài, GV khuyến khích HS **giải thích** tại sao chọn phép cộng (Tìm số bạn có tất cả tương ứng với thao tác gộp)

$$4 + 7 = 11$$

Trả lời: Có tất cả 11 bạn.

CÙNG CÔ

Cách cộng qua 10 trong phạm vi 20 (**Gộp cho đủ chục rồi cộng với số còn lại**).

Cụ thể:

- 9 cộng với một số? (9 cộng 1 rồi cộng số còn lại)
- 8 cộng với một số? (8 cộng 2 rồi cộng số còn lại).

...